

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2010**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01a – DN/HN)	4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02a – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03a – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09a – DN/HN)	10

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh**

Đăng ký lần đầu số 4703000375 ngày 6 tháng 4 năm 2007.

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 3600252847 ngày 6 tháng 7 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản Trị**

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch
Bà Viên Diệu Hoa	Thành Viên
Ông Cheah Kim Teck	Thành Viên
Ông Vũ Bảo Quốc	Thành Viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2010)
Ông Lương Đình Quang	Thành Viên (hết nhiệm kỳ ngày 22 tháng 4 năm 2010)

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Bá Dương	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Văn Mọc	Phó Tổng Giám Đốc

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Trần Bá Dương	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

**Trụ sở chính**

Số 19, Đường 2A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ 6 tháng kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

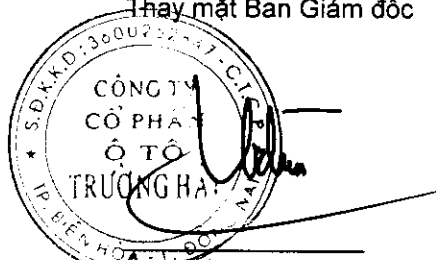
- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm từ trang 4 đến trang 40. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ 6 tháng kết thúc vào ngày đó phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc

TP. Biên Hòa, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 18 tháng 8 năm 2010

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 18 tháng 8 năm 2010. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ 6 tháng kết thúc vào ngày nêu trên cùng các thuyết minh chọn lọc cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ trang 4 đến 40. Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ vào việc soát xét của chúng tôi.

### **Phạm vi soát xét**

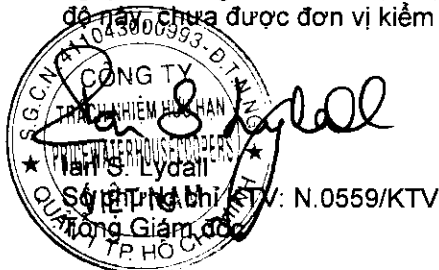
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Một cuộc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với những người có trách nhiệm về vấn đề tài chính và kế toán của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, cùng các quy trình soát xét khác. Phạm vi của một cuộc soát xét thì hẹp hơn so với một cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nên chúng tôi không có được sự đảm bảo rằng chúng tôi có thể nhận biết được tất cả các vấn đề quan trọng mà chỉ có một cuộc kiểm toán mới có thể nhận biết được. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây là không được soạn lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

### **Các vấn đề khác**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009, được trình bày là số liệu so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này chưa được đơn vị kiểm toán năm trước đưa ra báo cáo soát xét hay ý kiến kiểm toán.



Lê Văn Hòa  
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo soát xét số HCM2615  
Ngày 18 tháng 8 năm 2010

Như đã nêu trong thuyết minh số 2 cho các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	Tại ngày
			30.6.2010 1.000 đồng	31.12.2009 1.000 đồng
<b>100</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>		<b>4.229.410.088</b>	<b>3.717.406.360</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>111.760.254</b>	<b>350.094.952</b>
111	Tiền		110.749.922	262.705.190
112	Các khoản tương đương tiền		1.010.332	87.389.762
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4(a)</b>	<b>7.631.196</b>	<b>17.883.547</b>
121	Đầu tư ngắn hạn		7.631.196	17.883.547
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>763.456.737</b>	<b>1.071.910.826</b>
131	Phải thu của khách hàng	5	351.540.197	710.059.805
132	Trả trước cho người bán	6	359.244.471	303.714.258
135	Các khoản phải thu khác	7	56.176.053	62.186.377
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.503.984)	(4.049.614)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>3.164.971.538</b>	<b>2.071.852.942</b>
141	Hàng tồn kho		3.180.011.653	2.103.028.855
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(15.040.115)	(31.175.913)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>181.590.363</b>	<b>205.664.093</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		20.687.618	9.256.152
152	Thuế GTGT được khấu trừ		104.211.627	90.412.220
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.421.430	1.628.950
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	52.269.688	104.366.771

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

<b>Mã số</b>	<b>TÀI SẢN</b> (tiếp theo)	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại ngày</b> <b>30.6.2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày</b> <b>31.12.2009</b> <b>1.000 đồng</b>
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.407.053.147</b>	<b>2.826.699.421</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>2.694.672.075</b>	<b>2.186.912.880</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	1.021.856.953	1.008.768.284
222	Nguyên giá		1.413.130.390	1.320.687.115
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(391.273.437)	(311.918.831)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	895.414.573	677.504.511
228	Nguyên giá		905.855.678	686.114.529
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.441.105)	(8.610.018)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10(c)	777.400.549	500.640.085
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4(b)</b>	<b>321.467.563</b>	<b>324.294.026</b>
252	Đầu tư vào công ty liên doanh		5.882.520	5.335.951
258	Đầu tư dài hạn khác		352.196.528	352.196.528
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(36.611.485)	(33.238.453)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>390.913.509</b>	<b>315.492.515</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	11	360.239.357	281.402.650
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	20	518.922	1.875.558
268	Tài sản dài hạn khác		990.629	1.256.126
269	Lợi thế thương mại	12	29.164.601	30.958.181
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>7.636.463.235</b>	<b>6.544.105.781</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

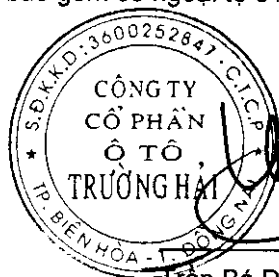
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	Tại ngày
			30.6.2010 1.000 đồng	31.12.2009 1.000 đồng
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.486.500.279</b>	<b>2.829.452.867</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.274.649.414</b>	<b>2.635.085.641</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	13(a)	1.657.726.428	1.464.056.580
312	Phải trả cho người bán	14	188.728.377	204.349.423
313	Người mua trả tiền trước		30.696.339	8.711.990
314	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	15	983.062.146	812.821.092
315	Phải trả người lao động		12.152.439	21.018.279
316	Chi phí phải trả	16	13.629.357	20.995.048
319	Các khoản phải trả khác	17	346.246.525	26.344.863
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	29.937.702	25.386.002
323	Quý khen thưởng, phúc lợi	19	12.470.101	51.402.364
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>211.850.865</b>	<b>194.367.226</b>
334	Vay và nợ dài hạn	13(b)	202.745.066	189.229.371
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3.938.279	4.047.794
338	Doanh thu chưa thực hiện		5.167.520	1.090.061
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.085.305.962</b>	<b>3.652.902.273</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>4.085.305.962</b>	<b>3.652.902.273</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21	2.500.000.000	2.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	858.035.894	963.635.894
416	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22	22.542.713	3.488.070
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22	704.727.355	685.778.309
<b>439</b>	<b>LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>		<b>64.656.994</b>	<b>61.750.641</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.636.463.235</b>	<b>6.544.105.781</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 616.164 đô la Mỹ (tại ngày 31.12.2009: 4.109.659 đô la Mỹ).



Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

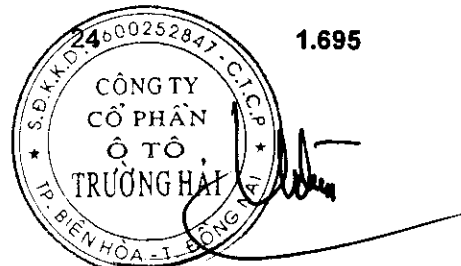


## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
			30.6.2010 1.000 đồng	30.6.2009 1.000 đồng Chưa soát xét
01	Doanh thu bán hàng		3.465.200.590	2.539.936.770
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(183.659.508)	(94.234.627)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	25(a)	3.281.541.082	2.445.702.143
11	Giá vốn hàng bán	26	(2.646.664.088)	(1.991.085.084)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng		634.876.994	454.617.059
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25(b)	9.423.235	3.230.208
22	Chi phí tài chính	27	(111.967.318)	(47.027.889)
24	Chi phí bán hàng	28	(102.983.303)	(72.950.945)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(87.756.178)	(54.416.914)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		341.593.430	283.451.519
40	Lợi nhuận khác	30	8.047.347	3.613.041
45	Phần lãi được chia từ công ty liên doanh		707.018	397.639
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		350.347.795	287.462.199
51	Chi phí thuế TNDN - hiện hành	31	(5.619.552)	(10.338.080)
52	Chi phí thuế TNDN - hoãn lại	20, 31	(1.356.636)	-
60	Lợi nhuận sau thuế		343.371.607	277.124.119
61	Lợi ích cổ đông thiểu số		(1.849.083)	(10.175.276)
62	Lãi thuần sau thuế		341.522.524	266.948.843
	Lãi trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)		1.695	2.837



Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
			30.6.2010 1.000 đồng	30.6.2009 1.000 đồng Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>350.347.795</b>	<b>287.462.199</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		86.265.506	69.827.214
03	(Hoàn nhập)/tăng các khoản dự phòng		(13.308.396)	768.144
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.793.208)	(2.630.337)
06	Chi phí lãi vay	27	68.069.308	25.229.737
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>486.581.005</b>	<b>380.656.957</b>
09	Giảm các khoản phải thu		438.706.922	345.683.730
10	Tăng hàng tồn kho		(1.090.186.959)	(44.095.480)
11	Tăng các khoản phải trả		81.427.332	1.004.150.202
12	Tăng các chi phí trả trước		(90.322.220)	(22.101.161)
13	Tiền lãi vay đã trả		(67.423.826)	(21.958.663)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.856.011)	(10.739.804)
15	Các khoản thu khác từ hoạt động kinh doanh		156.036	-
16	Các khoản chi khác từ hoạt động kinh doanh		(541.443)	(2.287.337)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(245.459.164)</b>	<b>1.629.308.444</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(599.831.384)	(31.838.874)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		113.364	-
23	Tiền chi cho vay các đơn vị khác		-	(262.953.915)
24	Tiền thu hồi cho vay		9.106.014	61.915
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(2.200.407)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.289.460	2.540.396
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(586.322.546)</b>	<b>(294.390.885)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	22	394.400.000	1.604.390
33	Tiền vay nhận được		2.436.023.579	1.413.883.308
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.213.418.383)	(2.484.521.721)
36	Cổ tức đã trả	23	(26.060.474)	(92.504.119)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>590.944.722</b>	<b>(1.161.538.142)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong giai đoạn</b>		<b>(240.836.988)</b>	<b>173.379.417</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu giai đoạn</b>	3	<b>350.094.952</b>	<b>67.588.388</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		2.502.290	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối giai đoạn</b>	3	<b>111.760.254</b>	<b>240.967.805</b>

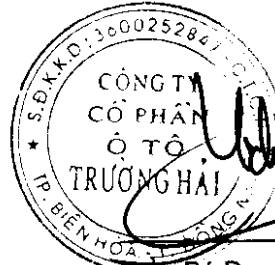
Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

Các nghiệp vụ quan trọng không sử dụng tiền mặt cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 bao gồm việc chuyển thặng dư vốn cổ phần số tiền 400.000.000 ngàn đồng Việt Nam sang tăng vốn cổ phần (Thuyết minh số 22).



Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 8 năm 2010

**THUYẾT MINH CHỌN LỌC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2010**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 6 tháng 4 năm 2007.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh hiện hành là Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 7 số 360025284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 6 tháng 7 năm 2010.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty có 28 công ty con sau:

Stt	Tên giao dịch	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
1	Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ô tô Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất ô tô	91,30%
2	Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải - KIA	Sản xuất ô tô	100,00%
3	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Khu Công Nghiệp và Đô Thị Chu Lai Trường Hải	Hạ tầng KCN	100,00%
4	Công Ty TNHH MTV Vận Tải - Giao Nhận - Phân Phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Phân phối ô tô	100,00%
5	Công Ty TNHH MTV Cơ Khí Chuyên Dụng Bắc Bộ Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
6	Công Ty TNHH Vận Tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	100,00%
7	Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ô tô An Thành Phát	Sản xuất xe ô tô	100,00%
8	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chu Lai - Trường Hải (**)	Sản xuất cơ khí	100,00%
9	Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Ô tô Chuyên Dụng Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
10	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Sản Xuất Điều Bẳng	Kinh doanh thương mại	100,00%
11	Công Ty TNHH Một Thành Viên Gia Công Thép Chu Lai-Trường Hải (***)	Sản xuất – Kinh doanh thép	100,00%
12	Công Ty TNHH MTV Phụ Tùng Trường Hải	Kinh doanh phụ tùng ô tô	100,00%
13	Công Ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Kinh doanh ô tô	64,34%
14	Công Ty TNHH Vũng Tàu Trường Hải	Kinh doanh ô tô	51,00%
15	Công Ty TNHH Thương Mại Vô Xe Triều Hải	Kinh doanh thương mại	75,00%
16	Công Ty TNHH MTV Chè Thuận Phát	Kinh doanh ô tô	100,00%
17	Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Ghé Ô tô Việt - C.N.A	Sản xuất cơ khí	100,00%
18	Công Ty TNHH MTV Vĩnh Cát	Kinh doanh ô tô	100,00%
19	Công Ty TNHH MTV Hóa Chất Chuyên Dụng Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất keo	100,00%
20	Công Ty TNHH Trường Hải Đào Dương	Kinh doanh ô tô	51,00%
21	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và D. Vụ Tây Ninh - Trường Hải(*)	Kinh doanh ô tô	100,00%
22	Công Ty TNHH MTV TM D.V Vận Tải Trường Hải - Bình Phước	Kinh doanh vận tải	100,00%
23	Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Chu Lai - Trường Hải (*)	Xây dựng	100,00%
24	Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Điện Lạnh Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
25	Công ty TNHH MTV Cơ Điện Chu Lai-Trường Hải(*)	Sản xuất cơ khí	100,00%
26	Công TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô Tô Khách Trường Hải(*)	Sản xuất ô tô	100,00%
27	Trường Cao Đẳng Nghề Chu Lai - Trường Hải(*)	Dạy nghề	100,00%
28	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cảng Chu Lai - Trường Hải(*)	Dịch vụ cảng	100,00%

(\*) Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty chưa góp vốn vào các công ty này.

(\*\*) Công ty đã được thay đổi tên gọi từ tên cũ là Công Ty TNHH Sản Xuất Khung Gầm-Thùng Xe Chu Lai Trường Hải.

(\*\*\*) Công ty đã được thay đổi tên gọi từ tên cũ là Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất và Kinh Doanh Thép Chu Lai-Trường Hải.

## 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con "(Tập đoàn)" bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp ô tô tải, ô tô khách;
- Sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt dây chuyền sản xuất công nghiệp;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán xe ô tô và xe có động cơ(cũ và mới);
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ;
- Mua bán máy san ủi, rải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; máy đào đất, giàn giáo di động, thiết bị đốn gỗ và càn cầu trong xây dựng;
- Đại lý môi giới đấu giá;
- Vận tải ven biển và viễn dương;
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; và
- Kinh doanh trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng ăn uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Tập đoàn có 5.578 nhân viên (tại ngày 31.12.2009: 4.473 nhân viên).

## 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

### 2.2 Hợp nhất báo cáo

#### *Công ty con*

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

## 2.2 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)

### **Công ty con (tiếp theo)**

Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần nhỏ hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian mười năm.

Đối với việc hợp nhất kinh doanh liên quan tới các doanh nghiệp cùng dưới một sự kiểm soát chung, các tài sản đem trao đổi và các khoản nợ phải trả hoặc đã nợ tiềm tàng đã thừa nhận được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi, không tính đến phạm vi quyền lợi cổ đông thiểu số. Chênh lệch giữa số tiền đã trả ra để mua với giá trị ghi sổ tổng hợp của tài sản và nợ phải trả của bên bị mua được ghi nhận giảm thặng dư vốn cổ phần. Không có lợi thế thương mại nào được tạo ra từ việc hợp nhất kinh doanh của các doanh nghiệp cùng dưới sự kiểm soát chung.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cung thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

### **Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số**

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

### **Liên doanh và các bên liên kết**

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh, liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo ngàn đồng Việt Nam.

Trong năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC (Thông tư 201), hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Tập đoàn đã áp dụng Thông tư này kể từ năm 2009.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận vào khoản mục 416 thuộc phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán và sẽ được hoàn nhập tại ngày đầu tiên của niên độ sau.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ dài hạn gốc ngoại tệ tại ngày lập bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Lãi và lỗ do chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Nợ phải trả tiền tệ dài hạn gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Lãi do chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lỗ do chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng với số chênh lệch tỷ giá lỗ của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được ghi nhận vào khoản mục 416 của phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán và sẽ được hoàn nhập tại ngày đầu tiên của niên độ sau.

Việc hạch toán theo Thông tư 201 là không phù hợp với Chuẩn Mục Kế Toán Việt Nam số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, theo đó, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty và các công ty con sử dụng nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.7 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ khó đòi được xóa sổ khi được xác định.

**2.8 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và giảm giá.

**2.9 Kế toán các khoản đầu tư****(a) Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán và các khoản đầu tư được giữ lại với ý định để bán trong vòng 12 tháng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư ngắn hạn được hạch toán ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn được lập khi giá gốc của các khoản đầu tư cao hơn giá trị hợp lý.

**(b) Đầu tư dài hạn**

- (i) Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán và được hạch toán theo giá gốc.
- (ii) Đầu tư trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập khi có bằng chứng giảm giá dài hạn của chứng khoán hoặc trong trường hợp Tập đoàn không thể thu hồi khoản đầu tư.

**2.10 Tài sản cố định***Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian sử dụng ước tính của nhóm tài sản cố định:

## Thời gian hữu dụng ước tính

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm
Phần mềm, vi tính	3 - 8 năm



**2.10 Tài sản cố định (tiếp theo)**

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong số năm phù hợp với từng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước thể hiện các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến niên độ kế toán tiếp theo và các khoản chi này sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất của các niên độ kế toán sau.

**2.12 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại thể hiện phần chênh lệch giữa giá phí thụ đắc cao hơn giá trị thị trường của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần xác định được của công ty con bị mua tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí trong thời hạn 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 Chi phí vay**

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.14 Ghi nhận doanh thu**

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.15 Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

**2.16 Chia cổ tức**

Phần cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được các cổ đông phê chuẩn.

**2.17 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**2.18 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

**2.19 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Tập đoàn phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, số dự phòng đã được lập trên cơ sở nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc, dựa trên mức lương của người lao động tại ngày đó.

**2.19 Dự phòng trợ cấp thôi việc (tiếp theo)**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số tiền trợ cấp thôi việc phải trả cho số người lao động hiện hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình cho giai đoạn 6 tháng trước ngày chấm dứt làm việc với Tập đoàn.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Tiền mặt	4.872.502	7.041.334
Tiền gửi ngân hàng	105.877.420	255.663.856
Các khoản tương đương tiền (*)	1.010.332	87.389.762
	111.760.254	350.094.952

(\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tính từ ngày gửi.

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Ông Nguyễn Phi Kha (*)	5.752.580	10.678.075
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tùng (*)	1.878.616	2.169.378
Tiền gửi ngân hàng	-	3.800.000
Khác	-	1.236.094
	7.631.196	17.883.547

(\*) Các khoản đầu tư trên là các khoản cho vay ngắn hạn có tính lãi theo lãi suất cho vay cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Đầu tư vào công ty liên doanh	5.882.520	5.335.951
Đầu tư dài hạn khác (i)	352.196.528	352.196.528
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn (ii)	(36.611.485)	(33.238.453)
	321.467.563	324.294.026

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

(i) Đầu tư dài hạn khác như sau:

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Vật Tư Thiết Bị (MESCO) (*)	255.000.000	255.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á (Đại Á) (*)	62.500.218	62.500.218
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) (*)	29.571.310	29.571.310
Cty TNHH MTV Trường Phú	5.000.000	5.000.000
Ký quỹ dài hạn	125.000	125.000
	352.196.528	352.196.528

(\*) Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư bằng hình thức mua cổ phần của bên thứ ba và các khoản đầu tư dài hạn khác, bao gồm:

Tên Công ty mua cổ phần	Số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ		Giá trung bình mỗi cổ phiếu 1.000 đồng
	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng		
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Vật Tư Thiết Bị (MESCO) (α)	255.000.000	31.453	8.107
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á	62.500.218	3.420.000	18
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	29.571.310	1.022.131	29

(α) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã ký hợp đồng và thanh toán việc mua lại 100% cổ phần của MESCO với giá mua 255 tỷ đồng Việt Nam. Tuy nhiên đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty chưa kiểm soát MESCO. Do vậy khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư dài hạn khác.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103000069 của MESCO, MESCO là một công ty cổ phần có vốn điều lệ đăng ký là 3.300.000 ngàn đồng Việt Nam (tương đương 33.000 cổ phần). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, vốn chủ sở hữu thực góp của MESCO là 3.145.300 ngàn đồng Việt Nam (tương đương 31.453 cổ phần). Hai cổ đông chính của MESCO là ông Nguyễn Thế Lam và ông Đinh Ngọc Thanh lần lượt nắm giữ 53% và 35% cổ phần của MESCO.

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Số dư đầu kỳ/năm	33.238.453	12.745.458
Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư vào Sacombank (*) (Thuyết minh số 27)	3.373.032	(7.807.505)
Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư vào Đại Á (**)	-	28.300.500
Số dư cuối kỳ/năm	<u>36.611.485</u>	<u>33.238.453</u>

(\*) Giá trị thị trường của cổ phiếu Sacombank tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 20.800 đồng Việt Nam một cổ phiếu (tại ngày 31.12.2009: 24.100 đồng Việt Nam một cổ phiếu).

(\*\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty ghi giảm giá trị của cổ phiếu Ngân hàng Đại Á xuống bằng mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam một cổ phiếu (tại ngày 31.12.2009: 10.000 đồng Việt Nam một cổ phiếu).

**5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Phải thu bên thứ ba	345.490.907	691.700.651
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32(b)(i))	6.049.290	18.359.154
	<u>351.540.197</u>	<u>710.059.805</u>

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, những khoản trả trước cho nhà cung cấp trọng yếu bao gồm:

	<b>1.000 đồng</b>	<b>Mục đích</b>
Ông Nguyễn Trường Sơn và Bà Hoàng Thị Ngọc Anh	126.613.718	Trả trước tiền mua đất ở Quận 7
Công ty TNHH Thăng Long	52.600.000	Góp vốn hợp tác đầu tư dự án tại 541 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội (*)
Nguyễn Minh Tâm	45.000.000	Trả trước tiền mua đất tại dự án 36C-11, Quốc lộ 1A, Tân Kiên, Bình Chánh
Nguyễn An Trung	35.713.526	Trả trước tiền mua đất Quận Phú Nhuận
KIA Motors Corporation	28.096.312	Trả trước mua nguyên vật liệu
Ông Nguyễn Trường Sơn và Ông Cao Trọng Hoàn	9.450.000	Trả trước mua đất ở Quận 7
La Khách Nguyễn Kinh Luân-Nguyễn Thị Hà	4.137.714	Trả trước tiền mua đất căn cứ theo hợp đồng số HD10/07-HDCN ngày 26 tháng 12 năm 2007
Bà Bành Thị Hồng	2.000.000	Trả trước tiền mua đất ở Bình Triệu

(\*) Ngày 28 tháng 8 năm 2008, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Thăng Long về việc hợp tác đầu tư xây dựng dự án và khai thác kinh doanh "Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và căn hộ cao cấp" tại địa chỉ Số 541 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Theo thỏa thuận đầu tư, công ty TNHH Thăng Long chịu trách nhiệm tiến hành những thủ tục pháp lý liên quan để thành lập ra công ty mới. Cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã chuyển tiền góp vốn là 52,6 tỷ đồng Việt Nam theo đúng như tiến độ góp vốn. Tuy nhiên Công ty TNHH Thăng Long chưa xin được giấy phép thành lập công ty nên khoản tiền mà Công ty đã trả trước cho Thăng Long được ghi nhận là khoản trả trước cho người bán.

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Phải thu khác từ bên thứ ba (*)	54.448.379	60.511.113
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32(b)(ii))	1.650.030	1.637.882
Phải thu khác từ nhân viên	77.644	37.382
	<b>56.176.053</b>	<b>62.186.377</b>

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, những khoản phải thu từ bên thứ ba trọng yếu bao gồm:

Bên thứ ba	1.000 đồng	Lý do
Công ty Đầu Tư & Phát Triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam (Kỳ Hà)	29.946.312	(i)
Bà Võ Thị Mượt	7.500.000	(ii)
Công ty TNHH An Hưng	5.523.920	Công ty hủy dự án đầu tư và quyết định thu lại số tiền ứng trước để xây dựng
Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai	1.500.000	Ứng trước tiền chi phí đền bù
Công ty TNHH TM & DV Bạch Ngân	1.000.000	Công ty hủy dự án đầu tư và quyết định thu lại số tiền trả trước dùng để mua đất

- (i) Kỳ Hà, một doanh nghiệp nhà nước tọa lạc tại Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam. Tổng Giám đốc Kỳ Hà là một thành viên trong ban quản lý của Khu kinh tế mở Chu Lai.

Ngày 24 tháng 11 năm 2008, Công ty và Kỳ Hà đã ký một Biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư trong giai đoạn từ năm 2009, đến năm 2012 theo đó Công ty và Kỳ Hà tiến hành những dự án sau tại khu kinh tế mở Chu Lai, Tỉnh Quảng Nam với các nội dung sau:

- Đầu tư phát triển hạ tầng Khu công nghiệp;
- Đầu tư cảng trung chuyển container tại Khu công nghiệp Tam Hiệp; và
- Đầu tư phát triển hạ tầng khu đô thị mới.

Theo thỏa thuận này, số tiền đã ứng trước Kỳ Hà năm 2007 là 29.946.312 ngàn đồng Việt Nam sẽ được góp như là một phần vốn đầu tư của Công ty vào dự án này.

Ngày 30 tháng 7 năm 2009, Công ty và Kỳ Hà ký một biên bản ghi nhớ, thỏa thuận về việc đền bù giải tỏa để xây dựng Cảng Tam Hiệp. Theo đó, số công nợ 29.946.312 ngàn đồng Việt Nam sẽ được căn trừ từng đợt vào chi phí đền bù giải tỏa và san lấp mặt bằng mà Kỳ Hà đã thực hiện cho Công ty đối với phần diện tích trên.

Tại ngày 29 tháng 3 năm 2010, Kỳ Hà đã gửi bằng báo cáo kết quả việc đền bù giải tỏa đến Công ty, theo đó Kỳ Hà đã hoàn tất việc giải tỏa 218.500 m<sup>2</sup> đất với tổng số tiền là 35.679.018 ngàn đồng Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty hiện đang tiến hành kiểm tra đối chiếu bằng báo cáo này để căn trừ khoản tiền đã ứng trước cho Kỳ Hà.

- (ii) Các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và phải hoàn trả trong năm 2010.

**8 HÀNG TỒN KHO**

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Hàng mua đang đi trên đường	189.332.335	403.440.679
Nguyên vật liệu tồn kho	1.077.525.711	373.017.524
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.506.087	1.043.985
Chi phí SXKD dở dang	55.790.293	37.655.051
Thành phẩm tồn kho	1.253.731.523	800.755.250
Hàng hóa	602.125.704	487.116.366
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(15.040.115)	(31.175.913)
	<u>3.164.971.538</u>	<u>2.071.852.942</u>

(\*) Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Số dư đầu kỳ/năm	31.175.913	25.743.061
Dự phòng trong kỳ/năm (Thuyết minh số 26)	14.001.463	30.092.437
Hoàn nhập trong kỳ/năm	(30.137.261)	(24.659.585)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>15.040.115</u>	<u>31.175.913</u>

**9 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	36.340.830	94.162.627
Khác	15.928.858	10.204.144
	<u>52.269.688</u>	<u>104.366.771</u>

(\*) Ký quỹ, ký cược ngắn hạn thể hiện các khoản ký quỹ để mở thư tín dụng tại các ngân hàng trong nước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

**Mẫu số B 09a – DN/HN**

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

**Nguyên giá**  
 Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010  
 Mua sắm mới  
 Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 10(c))  
 Các khoản điều chỉnh tăng khác  
 Thanh lý  
 Giảm khác

	Tòa nhà 1.000 đồng	Máy móc thiết bị 1.000 đồng	Phương tiện vận tải 1.000 đồng	Thiết bị văn phòng 1.000 đồng	TSCĐ hữu hình khác 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
	467.929.439	632.022.229	209.715.247	9.750.211	1.269.989	1.320.687.115
	5.945.246	14.435.329	7.400.792	3.692.591	48.201	31.522.159
	35.176.478	27.459.865	2.580.155	-	-	65.216.498
	700.626	1.823.010	271.743	111.875	57.570	2.964.824
	(282.399)	(5.860.380)	-	(168.474)	-	(6.311.253)
	(723.068)	(4.917)	(67.950)	(64.531)	(88.487)	(948.953)
	<u>508.746.322</u>	<u>669.875.136</u>	<u>219.899.987</u>	<u>13.321.672</u>	<u>1.287.273</u>	<u>1.413.130.390</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010  
 Khấu hao trong kỳ  
 Các khoản điều chỉnh tăng khác  
 Thanh lý  
 Giảm khác

	75.353.688	192.138.743	40.692.314	3.495.217	238.869	311.918.831
	17.241.829	53.780.112	10.323.159	1.244.343	136.645	82.726.088
	142.173	-	-	18.532	-	160.705
	(15.228)	(3.215.081)	-	(120.461)	-	(3.350.770)
	(18.486)	(75.664)	(52.493)	(1.297)	(33.477)	(181.417)
	<u>92.703.976</u>	<u>242.628.110</u>	<u>50.962.980</u>	<u>4.636.334</u>	<u>342.037</u>	<u>391.273.437</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

	392.575.751	439.883.486	169.022.933	6.254.994	1.031.120	1.008.768.284
	<u>416.042.346</u>	<u>427.247.026</u>	<u>168.937.007</u>	<u>8.685.338</u>	<u>945.236</u>	<u>1.021.856.953</u>

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)****(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 9.024.411 ngàn đồng Việt Nam (tại ngày 31.12.2009: 8.202.277 ngàn đồng Việt Nam).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, tài sản cố định hữu hình với tổng giá trị còn lại là 293.547.859 ngàn đồng Việt Nam đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn (tại ngày 31.12.2009: 286.861.689 ngàn đồng Việt Nam).

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất 1.000 đồng	Phần mềm máy tính 1.000 đồng	Bảng phát minh sáng chế 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	683.793.310	1.999.062	322.157	<b>686.114.529</b>
Mua sắm mới	-	774.048	-	<b>774.048</b>
Chuyển từ công trình xây dựng dở dang (Thuyết minh 10(c))	218.967.101	-	-	<b>218.967.101</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	<u>902.760.411</u>	<u>2.773.110</u>	<u>322.157</u>	<b><u>905.855.678</u></b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	8.040.965	437.566	131.487	<b>8.610.018</b>
Khấu hao trong kỳ	1.556.164	227.806	47.117	<b>1.831.087</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	<u>9.597.129</u>	<u>665.372</u>	<u>178.604</u>	<b><u>10.441.105</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	<u>675.752.345</u>	<u>1.561.496</u>	<u>190.670</u>	<b><u>677.504.511</u></b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	<u><u>893.163.282</u></u>	<u><u>2.107.738</u></u>	<u><u>143.553</u></u>	<b><u><u>895.414.573</u></u></b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, tài sản cố định vô hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 522.937.093 ngàn đồng Việt Nam đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn (tại ngày 31.12.2009: 242.969.362 ngàn đồng Việt Nam).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 Công ty đã ủy quyền cho những cá nhân sau đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty như sau:

- Bà Viên Diệu Hoa là thành viên Hội Đồng Quản Trị đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A829320, ngày 18 tháng 10 năm 1996 tại 36C11 Ấp 3C, Quốc Lộ 1A, Huyện Bình Chánh với tổng nguyên giá là 19.000.000 ngàn đồng;
- Ông Đỗ Hoài Nam là nhân viên phòng Hành Chánh Nhân Sự đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK895078, ngày 29 tháng 8 năm 2007 tại KP2, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang với tổng nguyên giá 150.000 ngàn đồng;

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Số dư đầu kỳ/năm	500.640.085	296.339.926
Tăng trong kỳ/năm	565.217.991	435.250.048
Giảm:		
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 10(a))	(65.216.497)	(89.264.964)
- Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 10(b))	(218.967.101)	(112.642.825)
- Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(209.100)	(6.630.220)
- Giảm khác	(4.064.829)	(22.411.880)
Số dư cuối kỳ/năm	777.400.549	500.640.085

Chi tiết các dự án chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

	1.000 đồng	Mục đích của dự án
Mua sắm Tài sản cố định Trung tâm Thương mại	225.255.401 92.836.001	Mua tài sản cố định trong các Công ty con Mua đất để đầu tư xây dựng một trung tâm thương mại 4.500m <sup>2</sup> ở Quận 7
Dự án Nguyễn Văn Trỗi	94.246.697	Mua đất để đầu tư xây dựng Showroom Nguyễn Văn Trỗi
Dự án Showroom Ô tô thương mại quận 7	89.261.585	Mua đất để đầu tư xây dựng showroom bán hàng 7.363m <sup>2</sup> tại Q7, Tp. HCM
Dự án SX khung gầm và thùng xe Chu Lai Trường Hải	50.091.925	Xây dựng nhà máy sản xuất khung gầm và thùng xe ô tô tại khu kinh tế mở Chu Lai, Quảng Nam
Dự án công trình khu dân cư Hòa Thuận	25.815.292	Xây dựng khu liên hiệp nhà ở cao cấp tại Hòa Thuận, Quảng Nam
Dự án xây dựng Showroom Cam Giá	9.282.174	Xây dựng trung tâm thương mại cho công ty TNHH Thái Nguyên
Dự án Showroom Bắc Ninh	6.688.075	Xây dựng trung tâm thương mại và siêu thị ô tô tại Phường Đại Phúc, Tỉnh Bắc Ninh
Dự án Showroom Đài Tư	6.627.660	Xây dựng Showroom bán hàng Đài Tư 2
Dự án Showroom Tam Kỳ	5.166.575	Xây dựng showroom bán hàng tại Tam Kỳ
Nhà máy thép Chu Lai	892.671	Xây dựng nhà máy thép tại khu kinh tế mở Chu Lai

**11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Số dư đầu kỳ/năm	281.402.650	24.201.044
Tăng trong kỳ/năm	149.485.741	337.461.980
Phân bổ trong kỳ/năm	(70.649.034)	(80.260.374)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>360.239.357</u>	<u>281.402.650</u>

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	315.504.228	240.753.922
Công cụ, dụng cụ	29.725.024	8.103.637
Chi phí bảo trì và sửa chữa lớn	8.456.546	5.468.505
Các chi phí khác	6.553.559	27.076.586
	<u>360.239.357</u>	<u>281.402.650</u>

**12 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Số dư đầu kỳ/năm	30.958.181	28.364.507
Tăng trong kỳ/năm	-	5.750.000
Khấu hao trong kỳ/năm (Thuyết minh số 29)	(1.793.580)	(3.156.326)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>29.164.601</u>	<u>30.958.181</u>

**13 CÁC KHOẢN VAY****(a) Khoản vay ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (i)	1.644.137.808	1.447.666.142
Khoản vay cá nhân (ii)	13.588.620	16.390.438
	<u>1.657.726.428</u>	<u>1.464.056.580</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

**Mẫu số B 09a – DN/HN**

**13 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

**(a) Khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)**

(i) Tập đoàn có các hợp đồng vay ngắn hạn từ các ngân hàng trong nước để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Công ty con	Ngân hàng cho vay	Hạn mức tín dụng Triệu đồng	Thời hạn trả	Mức lãi suất	Khoản nợ tại ngày 30.06.2010 Triệu đồng	Tài sản thế chấp
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	ACB-Quảng Nam	200.000	9.12.2010	4,8%-5,25%	58.838	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	HSBC-TPHCM	500.000	15.10.2010	5%-12%	121.335	Công Ty Mẹ
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	ICB-Quảng Nam	200.000	21.10.2010	13%	28.890	Hàng tồn kho
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	SCB-Quảng Nam	300.000	10.2.2011	5,4%-13,1%	157.239	Tin chấp
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	SHB-Đà Nẵng	150.000	29.12.2010	5%-13%	114.108	Hàng hóa hình thành từ vốn vay & Các khoản phải thu
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	TCB-Quảng Ngãi	920.000	6.10.2010	5,5%-6%	55.402	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	VCB-Quảng Nam	300.000	20.2.2011	5%-13%	395.764	Hàng hóa hình thành từ vốn vay & Nhà xưởng, MMTB
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch Trường Hải - KIA	HSCB-TPHCM	300.000	25.10.2010	5%	81.313	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch Trường Hải - KIA	ICB-Quảng Nam	250.000	19.1.2011	5,8%-6%	103.571	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch Trường Hải - KIA	SHB-Đà Nẵng	150.000	29.12.2010	5,5%-13%	44.794	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch Trường Hải - KIA	TCB-Đà Nẵng	1.200.000	5.11.2010	6%	43.682	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch Trường Hải - KIA	VCB-Quảng Nam	400.000	22.3.2011	5%-13%	306.217	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH MTV Vận Tải - Giao Nhận - Phân Phối Ôtô Chu Lai Trường Hải	VCB-Quảng Nam	180.000	6.7.2010	12%	6.500	Tài sản cố định hữu hình
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	EXIMBANK-Đồng Nai	200.000	21.12.2010	6%-13%	7.802	Tài sản cố định
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	SCB-TPHCM	200.000	17.9.2010	6%	84.119	Tài sản cố định
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	VCB-Đồng Nai	200.000	18.12.2010	5%->13%	34.564	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
					<u>1.644.138</u>	

(ii) Thể hiện khoản vay không có tài sản bảo đảm và không chịu lãi suất từ Ông Nguyễn Thế Lam. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho việc đầu tư vào MESCO – Thuyết minh số 4(b) và sẽ được hoàn trả trong năm 2010.

**13 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

**(b) Khoản vay dài hạn**

	Tại ngày <b>30.6.2010</b> <b>1.000 đồng</b>	Tại ngày <b>31.12.2009</b> <b>1.000 đồng</b>
Khoản vay dài hạn (*)	202.745.066	189.229.371
Trừ: Khoản vay dài hạn đến hạn trả	-	-
	<u>202.745.066</u>	<u>189.229.371</u>

(\*) các khoản vay tại ngân hàng trong nước của Công ty, và các công ty con như sau:

Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chu Lai - Trường Hải	(i)	150.422.836
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Kinh Doanh Thép Chu Lai – Trường Hải	(ii)	40.500.000
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	(iii)	6.767.490
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Ghé Ô tô Việt - C.N.A	(iv)	5.054.740
		<u>202.745.066</u>
Tổng cộng các khoản vay dài hạn		202.745.066
Trừ: Khoản vay dài hạn đến hạn trả		-
		<u>202.745.066</u>

- (i) Khoản vay có hạn mức 190 tỷ đồng Việt Nam vay trong năm 2009 để thanh toán cho việc xây dựng nhà máy và lắp đặt dây chuyền sơn khung gầm của Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chu Lai - Trường Hải. Khoản vay chịu lãi suất 12,5%/năm. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, 150.422.836 ngàn đồng Việt Nam đã được giải ngân ( Hợp đồng số 6500J6/09378/NHNT)
- (ii) Khoản vay có hạn mức 45 tỷ đồng Việt Nam vay trong năm 2009 để thanh toán cho việc xây dựng nhà xưởng và dây chuyền máy cắt, cán thép. Khoản vay chịu lãi suất 12.1%/năm và hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay có hạn mức 21 tỷ đồng Việt Nam vay trong năm 2009 để thanh toán cho dự án Showroom Vĩnh Long. Khoản vay này chịu lãi suất 8,0%/năm và hoàn trả trong 5 năm.
- (iv) Khoản vay có hạn mức 10 tỷ đồng Việt Nam vay trong tháng 7 năm 2009 để thanh toán cho việc mua thiết bị dây chuyền sản xuất . Khoản vay chịu lãi suất 6,38%/năm và hoàn trả trong vòng 24 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn được đảm bảo bằng giá trị tài sản cố định hữu hình trị giá 293.547.859 ngàn đồng Việt Nam (Thuyết minh 10(a)), tài sản cố định vô hình trị giá 496.614.394 ngàn đồng Việt Nam (Thuyết minh 10(b)) và giá trị hàng tồn kho.

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Các bên thứ ba	188.725.691	204.349.423
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32(b))	2.686	-
	<u>188.728.377</u>	<u>204.349.423</u>

**15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.770.606	7.664.896
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	22.068.454	41.416.509
Thuế tiêu thụ đặc biệt	31.159.085	206.037.808
Thuế xuất, nhập khẩu	912.131.782	544.318.263
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.455.354	12.896.284
Các loại thuế khác	476.865	487.332
	<u>983.062.146</u>	<u>812.821.092</u>

Theo Công văn số 7807/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009, về việc gia hạn nộp thuế, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam cho phép Công ty TNHH sản xuất và lắp ráp ô tô Chu Lai – Trường Hải và Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô du lịch Trường Hải – Kia được gia hạn nộp 2 loại thuế sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009: thời gian gia hạn nộp thuế là 1 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.
- Thuế nhập khẩu: thời gian gia hạn là 365 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan và áp dụng đối với các tờ khai hàng hóa nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2010.

**16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Chi phí giao nhận	5.091.016	7.243.510
Tiền lãi	2.700.767	2.055.285
Lương và các chi phí liên quan	2.289.916	967.298
Chi phí tiện ích	865.453	293.262
Chi phí quảng cáo	748.931	3.034.548
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	682.198	584.282
Chi phí bảo hiểm	-	945.285
Các chi phí khác	1.251.076	5.871.578
	<u>13.629.357</u>	<u>20.995.048</u>

**17 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Phải trả cho khu đất giải tỏa cho Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp Mỏ Chu Lai, Tỉnh Quảng Nam	-	12.360.583
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 32(b)(iv))	333.967.353	27.827
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32(b)(iv))	-	1.444
Các khoản phải trả khác	12.279.172	13.955.009
	<u>346.246.525</u>	<u>26.344.863</u>

**18 DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đây là khoản dự phòng cho dịch vụ bảo trì, sửa chữa những xe đã bán trong năm 2009 và 2010.

**19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Số dư đầu kỳ/năm	51.402.364	17.916.545
Tăng trong kỳ (Thuyết minh số 22)	-	38.483.792
Hoàn nhập trong kỳ(Thuyết minh số 22)	(38.483.792)	-
Chi trả trong kỳ/năm	(448.471)	(4.997.973)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>12.470.101</u>	<u>51.402.364</u>

**20 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng mỗi cơ quan thuế của các công ty trong Tập đoàn.

Số liệu về bù trừ thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	<b>Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng</b>	<b>Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng</b>
Số dư đầu kỳ/năm	1.875.558	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(1.356.636)	1.875.558
Số dư cuối kỳ/năm	<u>518.922</u>	<u>1.875.558</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản trích trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chuyển lỗ tính thuế tới chừng mực có khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.



**20 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)**

Các khoản chuyển lỗ tính thuế của Công ty có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Khoản lỗ tính thuế thực tế nào có thể được chuyển qua các năm sau thì phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo. Các khoản lỗ tính thuế ước tính đang được các công ty con ghi nhận có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của các công ty con như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ thuế 1.000 đồng
2006	Chưa quyết toán	1.360.808
2007	Chưa quyết toán	2.470.915
2008	Chưa quyết toán	12.885.290
2009	Chưa quyết toán	1.327.069

Các công ty con và Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ tính thuế có thể được mang qua các năm sau như nêu ở trên vì khả năng có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá hiện nay là không khả thi.

**21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU****(a) Số lượng cổ phiếu**

	Tại ngày 30.6.2010 Cổ phiếu phổ thông	Tại ngày 31.12.2009 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	250.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	250.000.000	200.000.000

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Chi tiết về cơ cấu vốn góp của chủ sở hữu của Công ty như sau:

	Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư nước ngoài		Tổng cộng Số cổ phiếu phổ thông
	Số cổ phiếu phổ thông	Tỉ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phiếu phổ thông	Tỉ lệ nắm giữ (%)	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	72.332.439	77	21.707.122	23	94.039.561
Tăng trong năm	65.712.949	62	40.247.490	38	105.960.439
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	138.045.388	69	61.954.612	31	200.000.000
Tăng trong kỳ	37.609.078	75	12.390.922	25	50.000.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	175.654.466	70	74.345.534	30	250.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng Việt Nam trên một cổ phiếu.

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của vốn góp

	Số cổ phiếu	Vốn Cổ phần phổ thông 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	94.039.561	940.395.610
Cổ phiếu mới phát hành	105.960.439	1.059.604.390
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	200.000.000	2.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	50.000.000	500.000.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	250.000.000	2.500.000.000

Danh sách các cổ đông nắm giữ cổ phần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 bao gồm:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Vốn Cổ phần phổ thông 1.000 đồng	%
Cty TNHH SX & TM Trần Oanh	145.820.585	1.458.205.848	58,33
Jardine Cycle & Carriage LTD.	70.136.333	701.363.328	28,05
Nguyễn Thạch Ngọc	9.200.000	92.000.000	3,68
Ngô Viết Thịnh	9.200.000	92.000.000	3,68
PCA International Funds SPC	4.209.202	42.092.016	1,68
Trần Bá Dương	2.800.000	28.000.000	1,12
Các cổ đông khác	8.633.880	86.338.808	3,46
<b>Tổng cộng</b>	<b>250.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>100,00</b>

Ngày 6 tháng 7 năm 2010, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh cho phép tăng vốn cổ phần của Công ty.

**22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn chủ sở hữu 1.000 đồng	Thặng dư vốn cổ phần 1.000 đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.000 đồng	Chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	940.395.610	1.482.235.836	189.137.802	-	2.611.769.248
Vốn tăng trong năm	59.604.390	481.400.058	-	-	541.004.448
Chuyển sang vốn điều lệ	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	723.203.421	-	723.203.421
Tăng trong năm	-	-	-	3.488.070	3.488.070
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(38.483.792)	-	(38.483.792)
Chia cổ tức	-	-	(188.079.122)	-	(188.079.122)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>963.635.894</b>	<b>685.778.309</b>	<b>3.488.070</b>	<b>3.652.902.273</b>
Vốn tăng trong kỳ thu bằng tiền (*)	100.000.000	294.400.000	-	-	394.400.000
Chuyển sang vốn điều lệ (*)	400.000.000	(400.000.000)	-	(3.488.070)	(3.488.070)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	341.522.524	-	341.522.524
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	38.483.792	-	38.483.792
Chia cổ tức (*)	-	-	(360.000.000)	-	(360.000.000)
Khác	-	-	(1.057.270)	22.542.713	21.485.443
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>858.035.894</b>	<b>704.727.355</b>	<b>22.542.713</b>	<b>4.085.305.962</b>

(\*) Tại Đại hội Cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2010, các cổ đông đã đồng ý chuyển thặng dư vốn cổ phần 400.000 triệu đồng Việt Nam sang tăng vốn điều lệ của Công ty và đã công bố chia cổ tức 360.000 triệu đồng Việt Nam.

(\*\*) Tại cuộc họp ngày 10 tháng 4 năm 2010, Hội đồng quản trị đã quyết định hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 38.483.792 ngàn đồng Việt Nam.

**23 CỔ TỨC PHẢI TRẢ**

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Số dư đầu kỳ/năm	27.827	2.000.745
Cổ tức được công bố trong kỳ/năm (Thuyết minh số 22)	360.000.000	188.079.122
Cổ tức đã chi trả bằng tiền mặt trong kỳ/năm:	(26.060.474)	(190.052.040)
<b>Số dư cuối kỳ/năm (Thuyết minh số 17)</b>	<b>333.967.353</b>	<b>27.827</b>

**24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm cổ phiếu mà Công ty mua lại và nắm giữ như là cổ phiếu quỹ.

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2010</b>	<b>30.6.2009</b>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (ngàn đồng Việt Nam)	341.522.524	266.948.843
Số lượng cổ phiếu bình quân đang phát hành (cổ phiếu)	201.458.563	94.093.632
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Việt Nam đồng)	1.695	2.837

**25 DOANH THU****(a) Doanh thu thuần**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2010</b>	<b>30.6.2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán xe	3.372.540.309	2.473.849.703
Doanh thu bán phụ tùng	31.154.839	22.278.121
Doanh thu dịch vụ	45.947.279	32.001.913
Doanh thu khác	15.558.163	11.807.033
	<u>3.465.200.590</u>	<u>2.539.936.770</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(167.069.567)	(82.838.261)
Hàng bán bị trả lại	(16.563.213)	(11.356.776)
Các khoản giảm trừ doanh thu khác	(26.728)	(39.590)
	<u>(183.659.508)</u>	<u>(94.234.627)</u>
Doanh thu thuần	<u>3.281.541.082</u>	<u>2.445.702.143</u>

**(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2010</b>	<b>30.6.2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Lãi tiền gửi	4.381.748	1.838.363
Cổ tức được chia	-	750.000
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.041.487	618.232
Các thu nhập tài chính khác	-	23.613
	<u>9.423.235</u>	<u>3.230.208</u>

**26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2010</b>	<b>30.6.2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Giá vốn bán xe	2.577.407.620	1.898.249.932
Giá vốn bán phụ tùng	11.449.389	15.679.484
Giá vốn dịch vụ	21.372.917	29.419.607
Khác	21.394.047	22.552.705
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh số 8(*))	15.040.115	25.183.355
	<b>2.646.664.088</b>	<b>1.991.085.083</b>

**27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2010</b>	<b>30.6.2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Chi phí lãi vay	68.069.308	25.229.737
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	40.364.495	21.204.608
Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư vào Sacombank (Thuyết minh số 4(b)(ii))	3.373.032	-
Khác	160.483	593.544
	<b>111.967.318</b>	<b>47.027.889</b>

**28 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí bán hàng:

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2010</b>	<b>30.6.2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Khấu hao tài sản cố định	4.663.520	3.590.577
Chi phí nhân viên	16.849.283	10.453.283
Chi phí bảo hành, bảo dưỡng	12.699.435	6.812.432
Chi phí vận chuyển	31.787.523	19.913.212
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	7.278.921	9.455.324

**29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	<u>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</u>	
	<b>30.6.2010</b>	<b>30.6.2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9.344.153	8.216.010
Chi phí nhân viên	36.652.563	22.703.312
Phí ngân hàng	6.232.760	3.894.522
Dự phòng nợ khó đòi	(545.776)	-
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 12)	1.793.580	1.506.080
	<u>                    </u>	<u>                    </u>

**30 THU NHẬP KHÁC**

	<u>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</u>	
	<b>30.6.2010</b>	<b>30.6.2009</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.944.330	3.911.156
Thu nhập khác	12.348.909	5.333.553
	<u>                    </u>	<u>                    </u>
	<b>14.293.239</b>	<b>9.244.709</b>
	<u>                    </u>	<u>                    </u>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí từ thanh lý tài sản cố định	(2.079.439)	(3.821.590)
Chi phí khác	(4.166.453)	(1.810.078)
	<u>                    </u>	<u>                    </u>
	<b>(6.245.892)</b>	<b>(5.631.668)</b>
	<u>                    </u>	<u>                    </u>
Thu nhập khác – Số thuần	<b>8.047.347</b>	<b>3.613.041</b>
	<u>                    </u>	<u>                    </u>

**31 THUẾ**

Thuế trên lợi nhuận chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành áp dụng cho Công ty và các công ty con, như sau:

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>30.6.2009</b> <b>1.000 đồng</b> <b>Chưa soát xét</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	350.347.795	287.462.199
Thuế tính theo các mức thuế suất tương ứng	11.300.903	10.338.080
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(1.638.218)	-
Chi phí không được khấu trừ	583.987	-
Dự phòng thừa của năm trước	(3.270.484)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>6.976.188</u>	<u>10.338.080</u>
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	5.619.552	10.338.080
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	1.356.636	-
	<u>6.976.188</u>	<u>10.338.080</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

**32 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Cty TNHH SX & TM Trân Oanh, một công ty sở hữu bởi ông Trần Bá Dương và các thành viên trong gia đình, chiếm 58,33% số cổ phiếu của Công ty (Thuyết minh số 21(c)).

**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

***i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2010</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>30.6.2009</b> <b>1.000 đồng</b> <b>Chưa soát xét</b>
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	<u>69.354.979</u>	<u>-</u>

## 32 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

## ii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2010 1.000 đồng	30.6.2009 1.000 đồng Chưa soát xét
Hội đồng Quản trị	330.000	200.000
Ban kiểm soát	360.000	570.000
Ban Giám đốc	2.003.336	1.925.061
	<u>2.693.336</u>	<u>2.695.061</u>

## iii) Các hoạt động tài chính

Cổ tức công bố chi trả cho các cổ đông như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2010 1.000 đồng	30.6.2009 1.000 đồng Chưa soát xét
Cty TNHH SX & TM Trần Oanh	218.730.877	-
Jardine Cycle & Carriage LTD.	105.204.499	19.256.297
Trần Bá Dương	18.000.000	43.989.864
PCA International Funds SPC	6.313.802	1.753.834
Nguyễn Văn Kim Lân	4.575.489	1.109.000
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam	2.968.027	824.452
Trần Bá Hùng	1.022.112	4.961.250
Trần Thị Bạch Tuyết	288.403	992.250
Viên Diệu Hoa	-	13.283.853
Ngân hàng Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	-	4.878.264
Các cổ đông khác	2.896.791	2.990.497
	<u>360.000.000</u>	<u>94.039.561</u>

## (b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

## i) Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 5)

	Tại ngày	Tại ngày
	30.6.2010 1.000 đồng	31.12.2009 1.000 đồng
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	6.041.069	18.359.154
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Vật Tư Thiết Bị (MESCO)	8.221	-
	<u>6.049.290</u>	<u>18.359.154</u>



32 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm/kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)

ii) Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 7)

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	1.645.506	1.636.002
Công ty TNHH MTV Trường Phú	3.924	1.880
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Vật Tư Thiết Bị (MESCO)	600	-
	<u>1.650.030</u>	<u>1.637.882</u>

iii) Phải trả người bán (Thuyết minh số 14)

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	<u>2.686</u>	<u>-</u>

iv) Các khoản phải trả khác (Thuyết minh số 18)

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Cổ tức phải trả	333.967.353	27.827
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	-	1.444
	<u>-</u>	<u>1.444</u>

33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, thuê văn phòng, showroom Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Dưới 1 năm	4.775.263	4.390.762
Từ 1 đến 5 năm	5.896.729	800.169
Trên 5 năm	13.573.986	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>24.245.978</u>	<u>5.190.931</u>

**34 CAM KẾT VỐN**

Các cam kết về chi tiêu mua sắm và xây dựng tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Tại ngày 30.6.2010 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2009 1.000 đồng
Showroom, máy móc và thiết bị	303.136.338	99.635.667

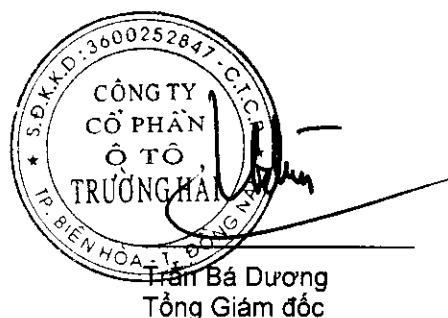
**35 CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại để phù hợp với việc trình bày của năm nay.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 18 tháng 8 năm 2010.



Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc